

Chương III

CÂU CHUYỆN TRĂM NĂM

TRONG CÁC THẾ KỶ THỨ XV, XVI, XVII CHỦ NGHĨA tư bản ở Châu Âu ngày càng phát triển, nên nhu cầu khai thác nguyên liệu và thị trường của các nước này dần dần trở nên chật hẹp.

Do lẽ đó, yêu cầu chinh phục và khai thác thuộc địa ở các nước Á, Phi, Mỹ Latinh để mở rộng thị trường và tìm nguồn nguyên liệu cho chủ nghĩa tư bản đã trở nên cấp bách. Nên họ dựa trên nền công nghiệp phát triển, xây dựng các đội thương thuyền hùng mạnh để tiến hành việc chinh phục thế giới, trong đó các nước Châu Á và Việt Nam cũng là một mục tiêu mà họ nhắm đến. Người Pháp, người Bồ Đào Nha đều nhắm đến Việt Nam, nhưng năm 1702, người Anh đã chiếm đảo Côn Lôn do dinh Trấn Biên lúc bấy giờ cai quản. Nhóm người của công ty thương mại Catchpole Anh Quốc, sau khi chiếm Côn Lôn đã cho xây dựng kho chứa hàng, đồn lũy, hệ thống phòng thủ. Nhưng đã bị người

dân Trấn Biên đánh cho tan tác đã rút chạy ra khỏi Côn Lôn, trở thành trận thắng quân xâm lược phương Tây đầu tiên trong lịch sử.

Nhưng sự cảnh báo của người Trấn Biên đối với thực dân Anh chưa đủ “đô” để làm nhụt ý muốn của các thế lực tư bản phương Tây đang thèm khát việc khai thác thuộc địa ở Đại Việt – một cánh cửa mà theo đánh giá của bọn thực dân phương Tây thì đây có thể đi sâu vào lục địa Đông Nam Á và miền Nam Trung Hoa.

Do đó, sau những bức “tình thư” của Nguyễn Ánh gửi Giám mục Bá Đa Lộc và các môn đồ của ông ta từ năm 1783 đến năm 1791 để cầu viện nước Pháp đưa quân đến Đại Việt đánh “giặc Tây Sơn”, khôi phục chiếc ngai vàng cho vương triều nhà Nguyễn, nên nước Pháp lại càng chú ý đến nước ta. Trong những bức “tình thư” mà Nguyễn Ánh gửi Bá Đa Lộc, mà thực chất là những văn tự bán nước có đoạn viết: “... Điều mà quả nhân mong chờ nhất là nếu hoàng đế nước Pháp hạ cố đến tiểu bang chúng tôi mà gửi quân đội sang giúp thì xin Thượng sư cố gắng trở về sớm để chúng ta cùng chia sẻ mọi lo toan –... Bất kỳ lúc nào quả nhân cũng chỉ quyết liên minh với một mình nước Pháp thôi”.

Sở dĩ Nguyễn Ánh chỉ muốn liên minh với một

mình nước Pháp là vì ông ta quá tin Bá Đa Lộc, tin đến mức gửi con trai là Hoàng tử Cảnh cho Bá Đa Lộc làm con tin và phủ nhận mọi lời can ngăn của cung phi Phi Yến dùng nên cầu viện nước Pháp. Sự khảng định lòng trung thành của Nguyễn Ánh với nước Pháp đến mức như vậy, vì lúc bấy giờ Nữ hoàng Bồ Đào Nha cũng gửi “tình thư” cho Nguyễn Ánh với ý đồ “kết duyên chính trị”, nhằm từng bước thôn tính và bảo hộ nước Đại Việt. Song có lẽ nhận thấy nước Pháp có tiềm lực mạnh hơn và đã trót gửi con trai làm tin nên Nguyễn Ánh đã đi kèm với ý đồ xâm lược của nước Pháp – một nước Pháp phong kiến của vua Louis XVI, đã sắp lụi tàn trước những đợt sóng ngầm của chủ nghĩa tư bản. Thực tế đã diễn ra như vậy, sau 5 lần đại bại trước quân nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã ủy quyền cho Bá Đa Lộc thay mặt ông ta ký bản hiệp ước Versailles với vua Louis XVI của nước Pháp. Văn tự chính thức bán nước này gồm 10 khoản xin giúp binh lính, súng đạn, tàu chiến, nhượng Côn Lôn và Hội An cho tư bản Pháp tự do buôn bán. Thời điểm bi kịch này xảy ra vào năm 1784, tức 5 năm trước trước khi Cách mạng tư sản Pháp nổ ra và Louis XVI phải bước lên giá treo cổ.

Năm 1788, ở Đàng Ngoài, nhà Lê sau 300 năm

cai trị đã suy tàn và gần như chấm dứt, vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu cầu cứu nhà Thanh để mong khôi phục chiếc ngai vàng nhỏ nhoi của mình. Vốn có ý đồ xâm lược nước ta, nên vua Càn Long đã ra chỉ dụ giao Tôn Sĩ Nghị là Tổng đốc Lương Quảng huy động 20 vạn quân xâm lược Việt Nam vào một thời điểm đất nước hết sức rối ren. Ở phương Nam, sau khi Nguyễn Huệ đánh bại quân Xiêm ở Rạch Gầm – Xoài Mút, các lực lượng phục quốc của Nguyễn Ánh vẫn còn là một thế lực và họ đang cầu viện phương Tây tấn công nước ta. Ở phương Bắc, vua tôi nhà Lê bạc nhược yếu hèn, phải cầu viện nhà Thanh. Trong bối cảnh ấy, điều đặc biệt đau lòng là nội bộ phong trào Tây Sơn đã bị phân hoá, bởi việc Nguyễn Nhạc tự xưng là Trung Hưng Hoàng đế và phong Nguyễn Huệ là Bắc Bình vương, Nguyễn Lữ làm Đông Định vương. Hành động tự làm suy yếu này, được các nhà sử học nhận định là Nguyễn Nhạc sợ cái bóng của Nguyễn Huệ cao hơn cái đầu của mình và cũng nhằm thỏa mãn tham vọng của riêng mình, gây cản trở sự lớn mạnh của phong trào nông dân Tây Sơn, tạo sơ hở cho thù trong, giặc ngoài lợi dụng khai thác các yếu điểm chết người của dân tộc Đại Việt.

Trước đó, trong tình thế đất nước “lưỡng đầu

thọ địch”, nội bộ lục đục, Tổ quốc lâm nguy, nên tháng 12 năm 1778, đáp ứng yêu cầu của lịch sử, Nguyễn Huệ đã lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung, gánh vác nhiệm vụ dân tộc, gương cao ngạo cờ yêu nước quyết tâm thống nhất quốc gia.

**

Trong cơn khát nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, các nước tư bản Châu Âu đổ xô sang Châu Á để chinh phục và khai thác thuộc địa.

Người Anh sau khi chinh phục Ấn Độ, đã cho quân chiếm Malaysia. Còn người Tây Ban Nha đã sớm chiếm quần đảo hương liệu của thổ dân Negrido từ thế kỷ XVI. Quần đảo hương liệu có ba đảo chính là Luzon có vịnh Manila là một trong những hải cảng tốt nhất thế giới mà người Tây Ban Nha nhận ra tiềm năng có thể khai thác lâu dài. Quần đảo hương liệu được nói ở đây là Philippines – cái tên mà người cầm đầu đạo xâm lược quần đảo hương liệu đã lấy tên vua Philip đệ nhị của Tây Ban Nha để đặt tên cho vùng đất mà họ vừa chiếm được. Thật là cay đắng cho tên một quốc gia bị chinh phục và đặt tên bởi “cây thập tự và thanh kiếm Tây Ban Nha để phụng sự cho chúa và vàng”.

Cũng trong cơn say men chinh phục, vào cuối thế kỷ XVI, người Hà Lan bắt đầu thống trị Indonesia và đến thế kỷ XVII–XVIII, họ đã mở rộng sự kiểm soát từ Jakarta, tức thủ đô Jakarta ngày nay ra toàn bộ quần đảo Indonesia rộng lớn. Công ty Đông Ấn của Hà Lan đã kiểm soát độc quyền việc buôn bán cây đinh hương, cà phê, hạt tiêu, trà, đường, bông vải ở Indonesia và thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ. Người Hà Lan cai quản Indonesia như một trại lao động khổ sai khổng lồ, giống như những đồn điền nô lệ cưỡng bức ở miền Nam nước Mỹ hồi thế kỷ XIX sau này.

Nước Pháp của Châu Âu sau Đại cách mạng 1789, mặc dù rơi vào tình trạng nội chiến, suy yếu nhưng công ty Đông Ấn và Hội tuyên giáo nước ngoài vẫn là công cụ để nước Pháp tìm kiếm chinh phục các thuộc địa. Sau khi hạ bệ Napoléon đệ nhất và khôi phục nền quân chủ, vua Louis Philippe đưa quân xâm chiếm Algérie vào năm 1830.

Đối với Đông Dương nói chung, nước Đại Việt nói riêng, các nhà hàng hải Châu Âu đã biết đến từ thế kỷ XVI nhưng đến thế kỷ XVII, họ mới bắt đầu tiếp xúc với người Việt thông qua các thương nhân và giáo sĩ. Lúc bấy giờ người Châu Âu gọi nước ta là Tonkin để chỉ xứ Đàng Ngoài của nhà Lê và

Cochinchine để chỉ xứ Đàng Trong của Chúa Nguyễn.

Đầu thế kỷ XVII, các thương nhân Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh Quốc đã đến buôn bán với Đại Việt qua thương cảng Hội An. Trong quá trình lui tới Đại Việt, cả người Anh và người Pháp đều nhận ra vị trí đặc biệt của Côn Đảo trên đường hàng hải từ Ấn Độ đến Trung Quốc. Do đó, năm 1702, người Anh đã chiếm Côn Đảo lập thương quán, kho hàng, xây đồn lũy, đặt súng đại bác. Nhưng như phần trên đã nói, trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phước Phan cho người giả vờ trá hàng rồi đốt doanh trại, đuổi người Anh ra khỏi Côn Đảo. Còn đối với nước Pháp, thời Thủ tướng Choiseul dưới triều Louis XV, để cân bằng với nước Anh đang có mặt ở Châu Á, nước Pháp lên kế hoạch dùng võ lực đánh úp cung điện của Chúa Nguyễn, nhưng do Thủ tướng Choiseul bị miễn chức nên kế hoạch này bị gác lại.

Đến năm 1783, khi Nguyễn Ánh thoát khỏi vòng vây của quân Tây Sơn do phò mã Trương Văn Đa chỉ huy ở đảo Cổ Long, bèn chạy về đảo Phú Quốc và tại đây, Nguyễn Ánh đã gặp Giám mục Bá Đa Lộc một người của Hội truyền giáo hải ngoại để cậy nhờ nước Pháp giúp sức đánh Tây Sơn. Tại đây,

Bá Đa Lộc đã cố vấn cho Nguyễn Ánh nên cầu viện nước Pháp, trong tình thế khốn cùng. Nguyễn Ánh đồng ý nắm lấy chiếc phao cứu viện từ kinh đô Ánh sáng. Để bày tỏ lòng thành thật với nước Pháp, Nguyễn Ánh giao Hoàng tử Cảnh, lúc bấy giờ mới 4 tuổi cho Bá Đa Lộc làm con tin và cử phó vệ úy Phạm Văn Nhơn cùng cai cơ Nguyễn Văn Liên đi theo Hoàng tử Cảnh. Đầu năm 1787, phái đoàn của Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh mới đến nước Pháp, được vua Louis XVI tiếp kiến và giao cho Bộ ngoại giao Pháp bàn cách giúp đỡ theo đề nghị của Nguyễn Ánh. Thông qua Bá tước De Montinorin, Bộ trưởng ngoại giao, đại diện cho Louis XVI và Giám mục Bá Đa Lộc, đại diện cho Nguyễn Ánh, ngày 28/11/1787, hai bên đã ký hiệp ước Versailles. Hiệp ước này quy định, nước Pháp sẽ giúp cho Nguyễn Ánh 4 tàu chiến, 1.600 quân và chiến phí khoảng 100 đến 200 ngàn quan Pháp để giúp Nguyễn Ánh chiếm lại các tỉnh thành của mình. Ngược lại, ông vua Nam Kỳ phải nhượng các đảo ngoài khơi Đà Nẵng và đảo Côn Lôn cho Pháp, cũng như để họ độc quyền buôn bán ở Nam Kỳ.

Nhưng nước Pháp lúc đó đang chịu những đợt sóng ngầm của cuộc cách mạng tư sản dân quyền nên họ không thể can thiệp. Do đó, đến năm 1789,

lúc cách mạng Pháp nổ ra, ngai vàng của Louis XVI bị lật đổ thì Hoàng tử Cảnh buộc phải trở về nước. Tuy nhiên, Bá Đa Lộc đã mộ riêng một số sĩ quan, hạ sĩ quan, thủy thủ các tàu buôn và thủy binh Pháp cùng một số thanh niên Pháp đưa sang giúp Nguyễn Ánh. Những người Pháp này được Nguyễn Ánh phong chức từ cai cơ đến chưởng cơ để chỉ huy việc xây dựng thành lũy, như Théodore Lebrun, Olivier de Puymarel; luyện tập binh sĩ, như Olivier Puymarel; chỉ huy tàu chiến, như Marie Dayot, Philippe Vanniver, Guilloux, Laurent, De Foreant Jean Baptiste; hoặc có người được Nguyễn Ánh cử sang Macao, Philippine, Indonesia, Singapore để mua đạn dược, khí giới.

Nói tóm lại, người Pháp thông qua Bá Đa Lộc đã tham gia trực tiếp vào cuộc chiến chống nhà Tây Sơn để nhằm khôi phục chiếc ngai vàng của vương triều nhà Nguyễn. Đến khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua, những người Pháp như Chaigneau và Vannier, De Forant vẫn còn ở bên cạnh triều đình Huế như những viên cố vấn đầy quyền lực với nhiều đặc quyền như mỗi người có 50 lính hầu, các buổi châu không phải quỳ như các quan viên khác. Riêng đối với Giám mục Bá Đa Lộc, một người vừa là khách, vừa là thầy trong chính quyền Nguyễn Ánh, được

chính quyền này đánh giá rất cao. Không đánh giá cao sao dám giao Đông cung Thái tử cho Bá Đa Lộc để làm tin “xin súng viện quân”, không tin sao dám giao cho Bá Đa Lộc thay mặt triều đình ký hiệp ước Versailles. Do lòng tin ấy của Nguyễn Ánh, nên Bá Đa Lộc, không chỉ khoác lên mình chiếc áo nhà tu hành, ông còn là một nhà chính trị, nhà quân sự bên cạnh triều đình Gia Định. Vai trò của ông được chính quyền Nguyễn Ánh công khai thừa nhận qua văn bia trên mộ của Bá Đa Lộc là “nước ta dần dần tới được chỗ có thể trung hưng là nhờ sức thầy nhiều...”. Còn người Pháp lại càng hết lòng ngợi ca Bá Đa Lộc: G.Taboulet đã gọi Bá Đa Lộc là “linh hồn của cuộc đấu tranh chống bọn thoán đoạt Tây Sơn”. Không dừng lại ở lời ca ngợi này, ở một đoạn khác trong quyển *La gerste Française Indochine*, Bá Đa Lộc được Taboulet xem như “người sáng lập ra một Đông Dương hiện đại, một Đông Dương thuộc Pháp”.

Một Đông Dương thuộc Pháp được nhắc ở đây là mục tiêu mà Bá Đa Lộc suốt đời thực hiện để truyền đạo, nhưng lại nằm trong ý đồ của các nhà tư bản Pháp muốn chiếm lấy nước An Nam để làm thuộc địa.

Đến năm 1847, lấy cớ An Nam cấm đạo Gia

Tô, Pháp cử một đại tá đưa 2 chiếc thuyền đến Đà Nẵng yêu cầu triều đình không được cấm đạo và thực hiện tự do tín ngưỡng. Khi việc thương lượng đang diễn ra thì tàu Pháp bắn vào các tàu thuyền của dân thường Việt Nam. Từ đây mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp bắt đầu căng thẳng và nước Việt Nam luôn nằm trong âm mưu chiếm đóng của thực dân Pháp. Để thúc hối Napoléon III động binh đánh chiếm An Nam, các giám mục, linh mục Pháp liên tục gửi các bản đồ điều trần thỉnh nguyện về một vùng đất hấp dẫn, có vị trí chiến lược ở vùng Viễn Đông. Tất nhiên, trong nội dung các văn bản kể trên, họ đều nêu lên việc triều đình An Nam đang bức hại các tín đồ Gia Tô – như một cái cớ cần phải can thiệp gấp. Linh mục Hue, cựu sứ bộ toà thánh ở Trung Quốc nêu trong thư thỉnh cầu: “Đà Nẵng nằm trong tay người Pháp sẽ là một hải cảng không ai tấn công nổi và là cứ điểm quan trọng nhất để chế ngự Bắc Á”. Linh mục Hue còn nói thêm “... Lãnh thổ Cochinchine màu mỡ có thể so sánh với các vùng nhiệt đới giàu có nhất... các sản phẩm chính và phương tiện trao đổi hiện có là đường, gạo, gỗ xây dựng, ngà voi... sau hết là vàng và bạc mà các mỏ rất phong phú được khai thác từ lâu”. Còn linh mục Legrand thì cho rằng, chiếm Đà Nẵng sẽ cắt đường giao thông của Anh ở hai thuộc địa Singapore

và Trung Quốc. Ông còn mô tả tài nguyên của xứ An Nam “sẽ khiến nước Pháp yêu thích vùng đất đẹp nhất và quý nhất này so với các thuộc địa cũ và mới của Pháp”.

Cùng với các bản thỉnh cầu của các vị thừa sai, một chiến dịch báo chí được phát động để chuẩn bị dư luận cho cuộc viễn chinh xâm lược An Nam. Trên tờ báo Cluver có đăng một bài báo của linh mục Hue, trong đó có đoạn: “Thật là vinh dự và đẹp đẽ cho triều đại Napoléon III, nếu thiết lập được ảnh hưởng của Pháp ở Đông Dương trên nền tảng vững chắc và có thể đòi cả việc thực hiện những quyền đã ký kết trong hiệp ước Versailles với Louis XVI”.

Nhằm xoa dịu sự quan ngại của chính phủ Pháp, người ta còn mô tả trên báo Cluver số ngày 7/12/1887 là “xứ Cochinchine sẽ thuộc về chúng ta ngay khi nào chúng ta muốn xuất hiện ở đó... Đất xâm chiếm giàu có này sẽ trả đủ ngay năm đầu mọi chi phí cho một cuộc chiếm đóng về quân sự”.

Mặc dù trong nội bộ chính quyền Pháp vẫn còn có những ý kiến khác nhau, nhưng trước sức ép của các thừa sai, các nhà tư bản, đô đốc hải quân cánh hữu, từ năm 1856, Napoléon III đã có ý định xâm chiếm Việt Nam. Do đó, từ tháng 9/1856 đến tháng

4/1858, chính quyền Pháp liên tục gây áp lực về ngoại giao đối với triều đình Huế. Đặc biệt là tháng 4/1857, họ cho xét lại hiệp ước Versailles nhằm hợp thức hoá việc xâm chiếm An Nam.

Tháng 7/1857, Napoléon ra lệnh vũ trang đánh chiếm An Nam. Với lộ trình, sau khi đoàn quân của Genouilly, đánh chiếm Quảng Châu, Trung Quốc sẽ kéo xuống Đà Nẵng phối hợp với hải quân Tây Ban Nha do đại tá Palanca chỉ huy đánh chiếm An Nam. Đó là ngày 1/9/1858.

Lấy cơ bảo vệ đạo Gia Tô, thực dân Pháp dưới sự chỉ huy của Đô đốc De Genouilly đưa 14 chiếc thuyền cùng 3000 quân nổ súng đánh vào Đà Nẵng và sau đó tiến ra Huế. Nhưng đội quân viễn chinh của De Genouilly bị quân của triều đình và nhân dân Đại Việt chặn đánh quyết liệt. Không đánh chiếm được Đà Nẵng lại bị hao binh tổn tướng, De Genouilly báo cáo về Bộ Hải quân Pháp xin đưa quân đánh Sài Gòn – nơi có nhiều sông rạch thuận tiện cho tàu của Pháp tác chiến và nếu chiếm được Sài Gòn sẽ cắt nguồn cung cấp lương thực cho Phú Xuân.

Cuộc chiến đấu của quân dân Sài Gòn kéo dài đến đầu năm 1861 thì đại đồn Kỳ Hoà thất thủ – Sài Gòn rơi vào tay giặc. Từ đây, quân xâm lược càn

MAI SÔNG BÈ

quét ra vùng ngoại vi Sài Gòn, rồi lần lượt đánh chiếm Định Tường (15/4/1861), Biên Hoà (7/1/1862) và Vĩnh Long (23/3/1862).

Sau khi chiếm Sài Gòn, thực dân Pháp cho xây dựng cảng Sài Gòn (1860) như một cửa ngõ từ biển đi vào và là con đường từ Việt Nam đi ra thế giới để chuẩn bị lâu dài cho việc khai thác thuộc địa. Giữa lúc tiếng súng xâm lược Nam Kỳ còn vang lên khắp thành phố, thực dân Pháp đã vội vã cho mở cửa cảng Sài Gòn để khai thác các nguồn tài nguyên, vừa cho tàu Pháp cập bến, tăng thêm quân để đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ. Từ đầu năm 1860, chính quyền Pháp đã đón một số người Hoa ở Singapore sang xây dựng bến tàu dài 1800m trên bờ sông Sài Gòn để làm cầu cảng xuất khẩu lúa gạo.

Sau khi cảng Sài Gòn được mở, hãng vận tải Hoàng Gia, vốn đã từng đảm nhận việc chở quân nhu, khí tài cho quân viễn chinh Pháp, được chính phủ Pháp cho phép khai thác tuyến đường Viễn Đông. Họ bắt tay vào việc thu gom và xuất khẩu hai mặt hàng bán chạy nhất lúc bấy giờ là gạo và hạt tiêu.

Ngay năm đầu, sau khi mở cảng Sài Gòn, năm 1860 có 246 chiếc tàu nước ngoài ăn hàng và xuất khẩu được 54.000 tấn gạo trị giá 5 triệu franc. Sang

năm 1862, xuất khẩu được 153.000 tấn gạo trị giá 20 triệu franc và đến năm 1867, lượng gạo xuất khẩu qua cảng Sài Gòn lên đến 193.000 tấn. Việc xuất khẩu gạo qua cảng Sài Gòn đến năm 1886 lên đến 500.000 tấn mỗi năm kéo theo việc phát triển công nghiệp đóng tàu thuyền, mở trại mộc, xây dựng nhà máy xay xát gạo, lò gạch để xây dựng phố xá. Đến năm 1895, ở Nam Kỳ có hơn 200 cơ sở thủ công và nhà máy xay lúa và các cơ sở này phần lớn nằm ở Sài Gòn – Chợ Lớn. Từ đây, giai cấp công nhân và tầng lớp lao động gắn với các xưởng thủ công đã ra đời, trong đó chỉ riêng xưởng Ba Son nằm trên bờ sông Thị Nghè có đến 1000 công nhân và nhà máy rượu Bình Tây có 500 công nhân.

Để tăng cường xuất khẩu gạo, năm 1881 nhà cầm quyền cho xây 2 cầu sắt qua sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây và mở đường xe lửa Sài Gòn – Mỹ Tho. Con đường xe lửa này, không chỉ kích thích nền công thương nghiệp Sài Gòn phát triển, mà còn có tác dụng thúc đẩy công cuộc khẩn hoang, mở mang việc trồng lúa phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu gạo của miền châu thổ sông Cửu Long.

Không chỉ chú ý khai thác lúa gạo ở đồng bằng châu thổ Cửu Long, năm 1902, người Pháp cho xây cầu Bình Lợi, cầu Rạch Cát, cầu Gành và mở đường

xe lửa nối Sài Gòn – Biên Hoà – Xuân Lộc để khai thác lâm sản và cây công nghiệp, nhất là cao su ở Đông Nam Bộ.

Việc người Pháp mở đường bộ, đường sắt kết hợp với việc đi lại bằng đường thủy vốn là mạch máu giao thông chủ yếu trước đó của người Việt, có một ý nghĩa cực kỳ to lớn trong phát triển kinh tế, thúc đẩy quá trình hình thành các thị tứ, chợ búa của vùng Nam Bộ nói chung và vùng Đồng Nai nói riêng. Tất nhiên, người Pháp không phải yêu mến gì vùng đất này, khi mang tiền từ Châu Âu sang đây để làm cái chuyện “khai hoá” cho dân thuộc địa như họ từng tuyên bố. Họ xây cầu, làm đường trước hết là nhằm mục đích khai thác thuộc địa ở vùng đất màu mỡ, nhiều nguyên liệu, nhất là sức lao động dồi dào của những người bị họ áp đặt lên cổ xích xiềng nô lệ được xét ở cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Trong tổng số tiền vốn mà người Pháp đầu tư làm đường, xây cầu có lợi nhuận được lấy từ máu, mồ hôi và nước mắt qua hàng trăm ngàn tấn gạo xuất khẩu, qua các đồng thuế thân của nhân dân xứ Nam Kỳ thuộc địa – đúng như mục tiêu ban đầu mà họ đặt ra.

Nhưng dù sao từ con đường “thiên lý cù” chạy qua Đồng Nai theo tác giả *Đại Nam nhất thống chí*

mô tả: “Xưa khi khai thác, từ phía Bắc cầu Tắt Đông đến sông Bình Đông ruộng chằng chịt, lầy lội, chưa có đường bộ, hoặc lên sông Bằng Bọt đều phải đi dò dọc. Năm Mậu Thìn 1784, Thế Tông Nguyễn Phúc Khoát, nhân có biến loạn ở Cao Miên, viên điều khiển Nguyễn Doãn Thủy kinh lý đất này, mới sai giăng dây, cắm đường cho thẳng, chỗ nào gặp khe ngòi thì bắc cầu, chỗ nào bùn lầy thì đắp cây và đất, từ cửa Cán chỉ thành cũ đến Bình Đông dài 17 dặm, ở phía Bắc là tỉnh Biên Hoà đặt trạm Bình Đông, đi về phía Bắc là núi Châu Thới đến bến đò Bình Tiên (chợ Đôn) qua bến sông Cát...” đến những con đường nhựa, đường sắt do người Pháp xây dựng là một bước phát triển vượt bậc. Mặc dù trước khi có đường bộ, đường sắt do người Pháp xây dựng thì vào thời Gia Long, cụ thể là từ 1808, Nguyễn Huỳnh Đức một công thần của Nguyễn Ánh, quê ở Long An đã giao Lê Văn Chất mở mang đường “thiên lý cù” từ Quảng Nam đến Biên Hoà. Ba năm sau khi xâm lược Biên Hoà (1864), người Pháp cho mở tuyến đường sông chạy bằng pháo hạm với giá vé 2 đồng/người (tương đương giá một tạ gạo thời bấy giờ) thì đường nhựa, đường sắt là một hình ảnh vô cùng mới mẻ trong con mắt của người Đồng Nai đương thời. Thật vậy, người Pháp chỉ mở đường sau khi tiếng súng xâm lược của họ đã

MAI SÔNG BÉ

lần lượt đàn áp các cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nhân dân địa phương và mở đường cũng là cách thị uy sức mạnh của nhà nước Phú Lang Sa. Tất nhiên, đó là hàm ý, còn mục đích chính của việc mở đường là khai thác thuộc địa. Tư bản mà lại là tư bản thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX – đối với họ, đồng tiền bỏ ra phải sinh lợi, nhiều lợi nhuận càng tốt – dù có phải ném những đồng tiền bản thiu ấy vào máu đồng loại cũng được.

Vì thế năm 1901, nhà cầm quyền Phú Lang Sa cho xây dựng con đường thuộc địa số một, dựa căn bản trên đường “thiên lý cù” khi xưa, mà sau này gọi là đường số một, nối Sài Gòn – Nha Trang, có đoạn chạy qua tỉnh Biên Hoà lúc bấy giờ. Năm 1902, họ khởi công xây tiếp con đường thuộc địa thứ hai từ Biên Hoà đi Bà Rịa – Ô Cấp, mà sau này gọi là đường 51. Cùng với việc mở đường bộ, người Phú Lang Sa triển khai xây dựng đường sắt Sài Gòn – Biên Hoà để khai thác lâm sản, nông sản, vì vận chuyển đường sắt giá thành rẻ, lợi nhuận cao.

Một trong những chiếc cầu sắt đầu tiên được xây dựng ở Nam Bộ là cầu Bình Lợi do hãng Eiffel thiết kế được hoàn thành vào năm 1902 với 6 nhịp cong bắc qua sông Sài Gòn nối liền với Biên Hoà. Trong đó, có một nhịp xoay dài 40m để tàu thuyền

có trọng tải lớn có thể thông thuyền khi thủy triều lên.

Sau đó, hai chiếc cầu Gành và Rạch Cát cũng do Eiffel thiết kế bắc qua Cù Lao Phố, nối liền hai bờ sông Đồng Nai cũng được hoàn thành vào năm 1903 và một năm sau (14/1/1904) bắt đầu lễ khánh thành thông tuyến xe lửa Sài Gòn – Biên Hoà. Có lẽ đây cũng là một sự kiện đặc biệt ở Đồng Nai thời bấy giờ, nhưng không biết dân chúng bản xứ có tò mò và hoan nghênh như sau này chúng ta khánh thành cầu Mỹ Thuận và Rạch Miễu là hai cây cầu ở đồng bằng sông Cửu Long mà khi khánh thành đã trở thành ngày hội thật sự của nhân dân. Lúc bấy giờ những “dân lân, dân áp” của xứ Biên Hoà – Đồng Nai chắc hẳn cũng có tò mò, nhưng mừng thì họ chắc không mừng, vì cùng với việc làm cầu, mở đường thì toàn quyền Paul Bert bắt đầu ra sắc lệnh đánh thuế thân – một loại thuế máu đối với dân bản xứ. Chắc là trong kinh phí xây cầu, làm đường có loại thuế máu này của nhân dân lao động Đồng Nai.

Không chỉ thuế máu mà cả xương máu của dân thuộc địa bản xứ đã rải đầy trên những tuyến đường sắt ngày càng vươn ra: năm 1905 đến huyện Xuân Lộc, năm 1907 mở ra đến Mùông Mán, năm 1913

mở ra đến Nha Trang với chiều dài 441km. Chiều dài con đường ngày càng vươn dài ra bởi những cu ly phát hoang rừng rậm, làm đường giữa sơn lam chướng khí, lần lượt bị bệnh rét rừng và nhiều bệnh tật khác cướp mất mạng sống. Cũng thật bi thương cho số phận những người đi mở những tuyến đường bộ, đường sắt đầu tiên, bởi trên các triền núi cao, dưới các vực sâu, rừng rậm hoang vu trước đây – tổ tiên của họ – những người đi mở cõi đã đổ xương máu, vạch từng lối nhỏ mở đường đi về phương Nam tìm đất sống. Nay con cháu của những tiền hiền mở cõi ấy, lại đi ngược từ Nam ra Bắc để mở những con đường rộng hơn, rút ngắn hơn và chắc chắn hiện đại hơn. Họ cũng tiếp tục đổ máu đào, phơi xương trắng trên những lối xưa mà cha ông đã mở lối vào phương Nam tìm đất mới.